

# NHỮNG BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM DO QUÁ TRÌNH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP (QUA TÌM HIỂU Ở NINH BÌNH)

TS. Ngô Thị Phượng

Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

## Đặt vấn đề

Những năm gần đây nông thôn Việt Nam đang có nhiều biến đổi mạnh mẽ do trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đã chuyển một phần không nhỏ đất nông nghiệp sang xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch và đô thị mới... Thu hút đầu tư là vấn đề được hầu hết các tỉnh, thành phố quan tâm, thậm chí được đặt ở vị trí ưu tiên hàng đầu để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tỉnh nào càng nhiều có dự án đầu tư thì diện tích đất nông nghiệp càng bị thu hẹp.

Ninh Bình là một tỉnh phía Nam của vùng đồng bằng Bắc bộ, có đặc điểm tự nhiên hết sức đa dạng, vừa có vùng đồng bằng trồng lúa nước, vừa có vùng đồi núi để phát triển trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, lại vừa có vùng biển để nuôi trồng thủy hải sản. Ngoài ra, thiên nhiên còn ưu đãi cho Ninh Bình nhiều danh lam thắng cảnh gắn với các di tích lịch sử nổi tiếng - tiềm năng cho sự phát triển ngành du lịch. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Ninh Bình đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ từ một tỉnh thuần nông, nguồn thu chính của người dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, sang một tỉnh có cơ cấu kinh tế đa dạng, trong đó, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, xây dựng, du lịch dịch vụ là mũi nhọn. Năm 1991, cơ cấu kinh tế (theo GDP) cho thấy, tỷ trọng, nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 75,74%, công nghiệp - xây dựng chiếm 18,18%, dịch vụ chiếm 0,6%. Năm 2005, cơ cấu đó có sự chuyển dịch căn bản: công nghiệp - xây dựng chiếm 35,7%; dịch vụ, du lịch 33,4%, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 30,9%. Mục tiêu đến năm 2010, cơ cấu kinh tế sẽ là: công nghiệp - xây dựng 48%; dịch vụ 35%; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 17% <sup>(1)</sup>. Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ấy thì phần nhiều đất canh tác nông nghiệp đang bị thu hẹp để phục vụ cho các dự án khu công nghiệp và du lịch.

## Quy hoạch các cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình

- |   |                                     |
|---|-------------------------------------|
| + <i>Cụm công nghiệp Nam thị xã Ninh Bình</i> | + <i>Cụm công nghiệp Ninh Khánh</i> |
| + <i>Cụm công nghiệp Ninh Tiến</i>            | + <i>Cụm công nghiệp Thiên Tôn</i>  |
| + <i>Cụm công nghiệp Đồng Hương</i>           | + <i>Cụm công nghiệp Bình Minh</i>  |

- + *Cụm công nghiệp Kim Chính*
- + *Cụm công nghiệp Gia Sinh*
- + *Cụm công nghiệp Đồng Phong*
- + *Cụm công nghiệp Khánh Cư*
- + *Cụm công nghiệp Gián Khẩu*
- + *Cụm công nghiệp Gia Vân*
- + *Cụm công nghiệp Khánh Nhạc*
- + *Cụm công nghiệp Mai Sơn*

Quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình

- + *Khu công nghiệp Tam Điệp*
- + *Khu công nghiệp Ninh Phúc*

Quy hoạch các khu du lịch đến 2010, định hướng đến 2015

Gồm 7 khu du lịch chính, 9 tuyến du lịch nội tỉnh, 10 tuyến du lịch liên tỉnh và quốc tế. Trong đó 7 khu du lịch chính gồm:

- + *Khu Tam Cốc - Bích Động - Sinh thái Tràng An - Cố đô Hoa Lư*
- + *Khu trung tâm thành phố Ninh Bình*
- + *Khu Vườn quốc gia Cúc Phương - Kỳ Phú - Hồ Đồng Chương*
- + *Khu du lịch suối nước nóng Kênh Gà - Động Vân Trình - Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long - Chùa Địch Lộng - Động Hoa Lư*
- + *Khu thị xã Tam Điệp - Phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn*
- + *Khu hồ Yên Thắng - Yên Đồng - Động Mã Tiên*
- + *Khu nhà thờ đá Phát Diệm và vùng biển Kim Sơn*

Nguồn: [www.ninhbinh.gov.vn](http://www.ninhbinh.gov.vn)

Từ năm 2003 đến 2006, chỉ tính riêng việc triển khai các khu du lịch, Tỉnh đã giao cho Sở Du lịch Ninh Bình 10.688.407,1 m<sup>2</sup>. Theo hướng phát triển hiện nay thì việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sẽ còn tiếp tục diễn ra trong những tiếp theo, tức đất canh tác nông nghiệp sẽ còn thu hẹp nữa.

Hiện tượng chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp đang kéo theo sự thay đổi nhiều mặt trong đời sống xã hội nông thôn Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng. Những thay đổi này thể hiện ở hai phương diện: *Thứ nhất*, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp đã góp phần chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Ninh Bình diễn ra theo hướng khai thác tiềm năng của địa phương, nhờ đó thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức thu ngân sách của Tỉnh. Tốc độ tăng GDP trong giai đoạn 1996-2000 đạt bình quân 8,12%/năm, giai đoạn 2000-2005 đạt 11,9%/năm, năm 2006 đạt 12,6%. Thu ngân sách năm 1991 đạt 24,4 tỷ đồng, năm 2006 đạt 878 tỷ đồng, năm 2007 đạt 1140 tỷ và chỉ riêng 6 tháng năm 2008, ngân sách của Tỉnh đã đạt 860 tỷ. Cùng với sự phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, nước ở, hệ thống điện, thông tin,...) được đầu tư ngày càng hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu sống, sinh hoạt, vận chuyển hàng hoá, đi lại ... của người dân. Phong trào cứng hóa đường giao thông nông thôn được đẩy mạnh. Đến nay, hầu hết các

tuyến đường quốc lộ, đường liên huyện, liên xã được bê tông hoặc rải nhựa. Mạng lưới điện, thông tin liên lạc, trường học, trụ sở làm việc các cơ quan ban ngành, nhà ở của người dân đều được sửa chữa, xây mới khang trang hơn. Việc làm cho người lao động ngày càng đa dạng hóa: sản xuất nông nghiệp, các làng nghề truyền thống được khôi phục, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ du lịch. Nhờ vậy, nguồn thu của người dân cũng đa dạng và tăng cao. Thu nhập bình quân đầu người năm 1991 là 0,51 triệu đồng, năm 2006 đạt 6,42 triệu đồng, tăng 12,5 lần so với năm 1991; Tính khép kín, cục bộ, địa phương ở nông thôn dần bị phá vỡ, giao lưu kinh tế, văn hóa ở nông thôn mở rộng. Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể. Thứ hai, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp cũng đang kéo theo nhiều vấn đề xã hội cấp bách: Thiếu việc làm cho người lao động; Tệ nạn xã hội gia tăng; Những giá trị của văn hóa làng xã ngày càng mờ nhạt; Ô nhiễm môi trường sống ở nông thôn; Xuất hiện những mâu thuẫn giữa nhà đầu tư với người dân địa phương trong triển khai dự án...

Bài viết này, tập trung phân tích sâu hơn những vấn đề xã hội cấp bách nảy sinh trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đề xuất một số giải pháp khắc phục những vấn đề đó, góp phần đưa nông thôn Ninh Bình và Việt Nam phát triển bền vững.

## **1. Những vấn đề xã hội cấp bách ở nông thôn Việt Nam hiện nay**

### *1.1 Thiếu việc làm cho người lao động*

Mặc dù sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã đem lại sự đa dạng hóa việc làm, nguồn thu cho người lao động, nhưng tình trạng người lao động thiếu việc làm lại là hiện tượng phổ biến ở hầu hết các vùng nông thôn Việt Nam. Bình quân mỗi hecta đất thu hồi có khoảng 10 đến 13 người lao động bị mất việc làm, cần phải chuyển đổi nghề. Theo báo Hà Nội Mới ngày 15/4/2008, tổng diện tích đất trồng lúa cả nước năm 2005 là 5.165.277 hecta, giai đoạn 2001-2005, tổng diện tích nông nghiệp bị thu hồi chuyển sang đất phi nông nghiệp trên 366.000 hecta, bình quân 73.000 hecta/năm<sup>(2)</sup>. Như vậy, từ 2001-2005, ở Việt Nam có khoảng 4 triệu người lao động cần phải chuyển đổi nghề do bị thu hồi đất. Cộng với số dân tăng tự nhiên, mỗi năm tăng thêm khoảng 5 triệu lao động. Đối với Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng, trong quá trình thu hồi đất để chuyển đổi cơ cấu kinh tế đang phải đối mặt với tình trạng hàng ngàn người lao động thuần nông không đủ việc làm hoặc mất việc làm hoàn toàn.

Do không đủ việc làm, phần lớn thanh niên đến độ tuổi lao động đều đi ra ngoài kiếm sống, tình trạng ly nông kéo theo ly hương, cơ cấu dân số mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều thôn, xóm, dân cư chủ yếu là người già, phụ nữ và trẻ em. Bộ phận lao động cầm chót ở quê hương đều có độ tuổi tương đối cao và chủ yếu là phụ nữ, khó có khả năng để học một nghề mới. Trong khi đó, việc triển khai đào tạo nghề cho người lao động còn chậm, chưa phù hợp với đối tượng lao động ở nông thôn, nên kém hiệu quả. Việc đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động ở nông thôn cũng gặp không ít khó khăn, bất cập. Trình độ văn hóa thanh niên thấp. Chất lượng các trung tâm, trường dạy nghề chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, nên sau khi học nghề, các đối tượng này khó cạnh tranh khi đi tìm việc làm trong các khu công

ngiệp, khu chế xuất. Các doanh nghiệp đều có nhu cầu tuyển lao động trẻ (dưới 35 tuổi), lao động trên 35 tuổi rất khó tìm được việc làm, trừ khi họ là người nhà, họ hàng của chủ các doanh nghiệp tư nhân. Mặt khác, người nông dân Việt Nam, do đặc điểm của lối sống, xã hội ở nông thôn, vốn rất thụ động, chưa thích nghi ngay được với sự thay đổi này.

Thiếu việc làm ở nông thôn diễn ra qua hai hình thức. *Một là*, thiếu việc làm toàn phần (mất việc hoàn toàn) do toàn bộ đất canh tác bị thu hồi. Bộ phận này sau khi sử dụng phần lớn số tiền đền bù, buộc phải đi làm thuê từng ngày trên mảnh đất của chính mình

*Hai là*, không đủ việc làm hàng ngày do đất canh tác còn quá ít. Công việc trước kia của cả năm nay chỉ tập trung vào khoảng 2 tháng, còn lại là thời gian nhàn rỗi.

*Người dân nông thôn sau khi nhận tiền đền bù, rất ít người sử dụng làm vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh, mà chủ yếu là sắm sửa tiện nghi sinh hoạt: xây dựng nhà cửa, sắm xe cộ, ti vi...*

Thiếu việc làm là nguyên nhân chính dẫn đến thu thập thấp, không ổn định. Trong những năm mới chuyển đổi đất nông nghiệp, đời sống của nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Nhưng đó là sự tăng lên giả tạo, không bền vững, do người dân nhận được số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng. Ngân sách của Tỉnh Ninh Bình tăng đột biến năm 2006, 2007, 2008 so với năm 1991 cũng chính từ việc này. Tiền đền bù giải phóng mặt bằng người dân chỉ nhận một lần, nhưng các thế hệ con cháu lại tiếp nối đời này qua đời khác. Nguy cơ tái đói nghèo không còn là chuyện xa lạ cũng không phải là của thế hệ sau mà của chính ngày hôm nay. Đó là chuyện của một tỉnh, một địa phương.

Nhìn rộng hơn ra cả nước và trên toàn cầu, thì ruộng đất nông nghiệp bị thu hẹp là nguyên nhân chính dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực và sự phát triển không bền vững của xã hội. Thời gian gần đây, dường như cả thế giới đang nóng lên bởi tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa cung - cầu lương thực. Sự biến đổi khí hậu diễn ra bất lợi cho sản xuất nông nghiệp, mất mùa triền miên, trong khi đó, nhiều sản phẩm lương thực được sử dụng thay thế cho các nguồn năng lượng khác (phát triển năng lượng sinh học). Tập quán ăn uống của người dân thay đổi, mức tiêu thụ dầu thực vật tăng cao. Ruộng đất nông nghiệp bị thu hẹp ở hầu hết các quốc gia do công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá lương thực trên thế giới liên tục tăng cao. Nhiều nước đã quay ra bảo tồn quỹ đất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực. Thực tế là, đất nông nghiệp có thể chuyển sang đất phi nông nghiệp (xây khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất...), nhưng đất đã đô thị hóa, đã xây khu công nghiệp... thì vĩnh viễn không bao giờ có thể chuyển sang đất nông nghiệp được nữa. Đây là một cảnh báo đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Với tốc độ tăng dân số hiện nay (dự kiến dân số thế giới năm 2050 sẽ là 9,2 tỷ, còn Việt Nam từ 2000 đến 2007, dân số tăng từ 79 triệu tới 84 triệu), dân số cũng là một áp lực lớn đối với an ninh lương thực toàn cầu.

## 1.2 Tệ nạn xã hội gia tăng

Trước đây, đời sống xã hội nông thôn rất thanh bình, an toàn. Nông thôn thường là nơi mà người dân thành thị trở về để tìm kiếm sự thanh thản, an lành. Người dân nông thôn thật xa lạ với các tệ nạn nghiện hút, cờ bạc, HIV/AIDS, mại dâm... Giờ đây, những chuyện đó lại trở thành khá phổ biến ở nông thôn. Có những thôn quê, 100% thanh niên nghiện hút, cờ bạc. Hình ảnh cha mẹ già, tóc bạc trắng phải dùng chút sức lực còn lại để chăm sóc những đứa con trẻ chờ chết vì nhiễm HIV và cả những đứa cháu mang mầm bệnh, không còn là hiếm ở nông thôn. Từ con ông chủ tịch xã cho đến con nhà dân thường, từ con gia đình giàu có cho đến nghèo xác xơ đều có thể chết vì nghiện hút hay HIV. Một màu xám bao phủ lên cuộc sống sôi động với tiện nghi ngày càng hiện đại ở thôn quê.

Theo số liệu điều tra về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ở huyện Gia Viễn những năm gần đây cho thấy, số vụ tội phạm, tệ nạn xã hội ở các xã tăng nhanh, tập trung nhiều ở các xã có khu công nghiệp, khu du lịch như xã Gia Tân, Gia Hưng, Gia Thanh (gần khu công nghiệp Gián Khẩu), xã Gia Sinh (khu du lịch chùa Bái Đính). Điều đó cũng hoàn toàn đúng khi xem xét tình hình tệ nạn xã hội trên toàn tỉnh Ninh Bình. Thứ tự các địa bàn có nhiều tệ nạn xã hội gắn liền với thứ tự địa bàn có nhiều dự án khu công nghiệp, khu du lịch:

*Tình hình tệ nạn xã hội ở huyện Gia Viễn những năm gần đây*

- Năm 2006

+ Đánh bạc: 5 vụ, 17 đối tượng

+ Ma túy: 32 vụ, 38 đối tượng

- Năm 2007

+ Đánh bạc: 6 vụ, 27 đối tượng

+ Ma túy: 28 vụ, 30 đối tượng

- 6 tháng năm 2008

+ Đánh bạc: 5 vụ, 24 đối tượng

+ Ma túy: 19 vụ, 21 đối tượng

1. Thành phố Ninh Bình
2. Thị xã Tam Điệp
3. Huyện Hoa Lư
4. Huyện Nho Quan
5. Huyện Gia Viễn
6. Huyện Yên Khánh
7. Huyện Yên Mô

Tệ nạn xã hội ở nông thôn gia tăng có nhiều nguyên nhân.

*Một là*, thiếu việc làm, thanh niên buộc phải ra ngoài làm ăn. Xu hướng của những năm gần đây là thanh niên nông thôn đổ xô tới các khu công nghiệp, khu chế xuất, ra thành thị tìm việc làm, kiếm vốn làm ăn lâu dài. Xa nhà, tự do, lại ở trong môi trường xã hội đầy

rẫy cám đỗ, tẻ nạn xã hội. Trẻ tuổi ham cái mới, mạo hiểm, chẳng mấy thanh niên trở về với cái vẻ chân chất ban đầu và cái số vốn như lúc mới ra đi mong mỏi, hy vọng. Có thanh niên chỉ sau 5 năm đã trở về với cái xác không hồn và bệnh tật và họ chính là mầm mống cho bệnh tật, nghiện hút... ở nông thôn.

*Hai là*, do có tiền đền bù, cũng có nhà trở thành tỷ phú sau chỉ một đêm (đối với nông thôn, đây là điều mà trước đây người nông dân chỉ dám mơ), nhiều người ăn chơi, hưởng thụ như để trả thù cho cái nghèo truyền đời của nông thôn. Ăn chơi, rồi trở thành xa đọa lúc nào không hay. Thế là người giàu, vì tiêu tiền mà mắc tẻ nạn xã hội, người nghèo vì kiếm tiền cũng không thoát khỏi tẻ nạn xã hội. Cái vòng luẩn quẩn này cứ bám riết lấy người dân vốn văn hóa còn thấp.

*Ba là*, nhân cư vi thành ra bất thiện. Công việc đồng áng bây giờ không còn là nỗi vất vả của nhà nông. Thời gian nhàn rỗi sinh ra cờ bạc, rượu chè, rồi cũng thành thói quen khó sửa của nhiều người.

*Bốn là*, “không gian” làng đã mở rộng, do phát triển kinh tế thị trường, sự giao lưu kinh tế, văn hóa giữa nông thôn và thành thị diễn ra mạnh mẽ. Sự giao lưu này kéo theo sự du nhập những tẻ nạn xã hội, không chỉ cần đến những thanh niên đi làm ăn xa, cũng không cần đến việc người dân có tiền đền bù hay không...

*Năm là*, địa bàn có các khu công nghiệp, khu du lịch thường là nơi có nhiều nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, quán karaoke, tiệm cắt tóc, gội đầu... Đó cũng chính là những tụ điểm nảy sinh tẻ nạn xã hội.

*Hiện trên địa bàn Ninh Bình có 385 cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ...có nguy cơ nảy sinh tẻ nạn mại dâm. 6 tháng đầu năm 2008, xử lý 12 trường hợp vi phạm, đưa vào hồ sơ quản lý, giáo dục 40 gái mại dâm.*

Nguồn: [WWW.ninhbinh.gov.vn](http://WWW.ninhbinh.gov.vn) 1/7/2008

### *1.3 Những giá trị của văn hóa làng xã ngày càng mờ nhạt*

Văn hóa làng. Đó là thứ rất xa xôi nhưng cũng lại rất gần gũi. Xa xôi đến mức mà cho đến nay chưa thể có sự định danh đầy đủ về nó. Gần gũi đến mức thấm vào máu thịt của những con người sinh ra và lớn lên ở quê. Nếu không có nó người ta sẽ cảm thấy cuộc sống thật tẻ nhạt, vô vị. Hình như nó là sức mạnh mà mỗi người con của quê hương, càng trưởng thành (dù tha phương khắp mọi nơi, với cuộc sống giàu sang, hoa lệ) lại càng khao khát quay trở về làng. Nó làm cho người ta hạnh phúc bởi có một làng quê và nó cũng làm cho người ta sợ hãi nếu mất đi cái làng quê ấy.

Đã có rất nhiều nhà khoa học, công trình nghiên cứu về văn hóa làng và lý giải về nó ở nhiều cách nhìn khác nhau. Có thể nhận biết văn hóa làng ở hai phương diện: văn hóa vật thể và phi vật thể. Những biểu tượng của văn hóa vật thể làng là: cây đa, đình làng, chợ làng, cổng làng, con đường làng, con đê làng, kiến trúc làng, con đò, bến nước ... Trong đó, phải kể đến biểu tượng tiêu biểu: “cây đa, bến nước”. Cây đa là biểu tượng cho sức sống dẻo dai, mãnh liệt, trí tuệ phong phú và tâm linh của con người nông thôn. Cây đa là nơi trẻ

nhỏ nô đùa, thanh niên hẹn hò, người lao động mệt nhọc ngồi nghỉ sau giờ làm việc trước khi về nhà. Dù mệt mỏi đến mấy, nhưng về đến cây đa làng, xuống bến nước rửa chân tay, ngồi dưới bóng cây đa, dường như mọi vất vả đều tan biến. Cây đa cũng là biểu tượng hết sức linh thiêng, nó được coi là nơi hội tụ các thần linh, “cây thị có ma, cây đa có thần”. Chợ làng - ngoài ý nghĩa là nơi trao đổi mua bán, chợ làng còn là nơi để thăm hỏi lẫn nhau, mời gọi, nói chuyện con trâu cái cày, chuyện ruộng vườn, nhà cửa, con cái..., là nơi hẹn hò, gặp gỡ giữa người ở làng này với làng khác, thay cho điện thoại, internet hiện nay. Đi chợ làng của người thôn quê mang thật nhiều ý nghĩa. Cho đến tận bây giờ, khi các phương tiện thông tin liên lạc đã thuận lợi cho sự giao tiếp, nhưng những người con xa quê, mỗi khi trở về đều vẫn muốn đi chợ làng, không phải là mua bán, mà là để được tắm mình trong cái ồn ã đậm đà tình làng, nghĩa xóm ...

Còn biểu tượng cho văn hóa phi vật thể là lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ, là tình thương yêu đùm bọc xóm giềng, là lối sống “hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau”, là cái cách quan tâm lẫn nhau của người quê, đến mức, có lúc cảm thấy bức mình, nhưng thiếu nó thì cuộc sống trở nên trống trải không thể chịu nổi, là mùi khói rơm thơm nồng khi buổi chiều về, là niềm vui trên cánh đồng làng làm mọi người đều quên đi cái nắng gắt chói chang của mùa hè, cái giá buốt cắt da cắt thịt của mùa đông ... Tất cả những cái đó tạo nên “tính cộng đồng”, “tình làng”. Những biểu tượng vật thể và phi vật thể ấy hòa quyện với nhau, tạo nên cốt cách làng Việt Nam, mà có người đã gọi là “hồn vía làng quê”. Hồn vía này ta khó có thể nắm bắt được hết và cũng không thể xa rời nó được.

Tất cả những biểu tượng của văn hóa làng, cốt cách làng giờ đây đang dần bị phai mờ (không phải là đã mất hết). Không phải bởi vì làng ngày nay, không còn cây đa, bến nước, sân đình mà vì *tình làng, nghĩa xóm* không còn thuần túy là tình yêu thương con người mà đã bị tác động bởi nhiều thứ khác mạnh hơn: tiền bạc, địa vị, giàu sang... Chủ nghĩa thực dụng, thói ích kỷ đã bắt đầu xâm chiếm lòng người thôn quê. Người ta có thể chém giết nhau, anh em, họ hàng dễ dàng từ bỏ nhau chỉ vì vài centimet đất. Những bức tường bê tông thay thế cho hàng rào dâm bụt hay cái đậu mùng toi để định vị lãnh thổ của mỗi gia đình đã ngăn cách luôn cả tình người nông thôn ngày nay... Đây là hiện tượng khá phổ biến ở thôn quê Việt Nam, nhất là nơi có dự án xây dựng khu đô thị hóa, khu công nghiệp .... Ở đâu càng đô thị hóa nhanh, thì văn hóa làng cũng càng nhanh biến mất khỏi đời sống người dân. Điều này gần như trở thành vấn đề mang tính quy luật trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Làng quê Ninh Bình hiện nay, quá trình chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa phải đã hoàn toàn là như vậy, nhưng cũng không thể nói là không có. Điều này, không phải người dân nơi đây có ý thức giữ gìn văn hóa làng và cũng không hẳn các nhà quản lý, các nhà đầu tư đã sớm có chiến lược giữ gìn văn hóa làng mà quá trình triển khai các dự án khu công nghiệp, khu du lịch mới chỉ bắt đầu. Sự xáo trộn trong cuộc sống của nông thôn Ninh Bình mới chỉ thực sự rõ nét về kinh tế, còn mờ nhạt về văn hóa. Nhưng như vậy không có nghĩa là nó sẽ không xảy ra nếu như không quan tâm đến chiến lược phát triển văn hóa gắn với kinh tế.

#### 1.4 Ô nhiễm môi trường sống nông thôn

Hiện tượng chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang triển khai các dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, du lịch, sân golf cũng dẫn đến tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng môi trường sống ở nông thôn. Các loại hình của ô nhiễm gồm ô nhiễm môi trường tự nhiên: ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí và ô nhiễm môi trường văn hóa, xã hội.

Ô nhiễm môi trường tự nhiên có nhiều nguyên nhân: khí thải, chất thải, nước thải, rác thải... từ các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại; Sử dụng phân bón hóa học, phân hữu cơ trong nông nghiệp nhằm tăng năng suất cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật; Hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng kém chất lượng chủ yếu tiêu thụ ở nông thôn ... hậu quả của tình trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên là sức khỏe cộng đồng đang bị đe dọa. Tuổi thọ của người dân giảm, suy dinh dưỡng ở trẻ em, bệnh nan y xuất hiện ngày càng nhiều (làng ung thư), dịch bệnh...

Ô nhiễm môi trường văn hóa, xã hội, biểu hiện ở sự gia tăng tệ nạn xã hội, văn hóa ăn mặc của thế hệ thanh niên có xu hướng lai căng, giao tiếp ứng xử trong gia đình, ngoài thôn xóm thiếu văn minh. Nhiều sản phẩm văn hóa độc hại, rẻ tiền như sách, báo, băng đĩa lậu có nội dung không lành mạnh du nhập vào mọi ngõ ngách nông thôn bằng nhiều con đường khác nhau. Đa số người dân nông thôn có trình độ dân trí, văn hóa còn thấp, phương tiện thông tin ngày càng đa dạng, giao lưu hàng hóa thuận tiện là nguyên nhân chính cho sự du nhập sản phẩm văn hóa không lành mạnh. Thường thì con người phải học, thậm chí phải học đến khổ sở mới tiếp thu được cái văn hóa, còn cái phản văn hóa thì không phải học, không phải rèn, nó cứ ám vào con người ta một cách hết sức tự nhiên. Cho nên, cái phản văn hóa đến với đời sống nông thôn nhanh hơn, làm hủy hoại môi trường văn hóa, xã hội nông thôn.

Ô nhiễm môi trường nông thôn Việt Nam hiện nay không còn là một nguy cơ mà là một thực tế bức xúc làm đau đầu các nhà quản lý và các nhà khoa học. Vì vậy, có người đã ví nông thôn hiện nay như một thùng “rác đẹp”. Ninh Bình, với nhiều dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch, đã, đang được xây dựng và bước đầu đưa vào sử dụng. Chỉ tính riêng ở các khu du lịch, hàng năm lượng khách trong nước và quốc tế tăng lên nhanh chóng. Năm 2006, lượng khách du lịch đạt 1,3 triệu lượt, tăng 25% so với năm 2005<sup>(3)</sup>. Trong những năm tới, một số khu du lịch được đưa vào khai thác, lượng khách sẽ còn tăng lên rất nhiều. Định hướng đến năm 2010 của Sở Du lịch Ninh Bình là sẽ có khả năng đón 3-4 triệu lượt khách. Như vậy, lượng rác thải hàng ngày từ khách du lịch ở đây sẽ không nhỏ.

Cùng với rác thải từ khách du lịch, còn có một số dự án sân golf đang chuẩn bị xây dựng. Nguy cơ ô nhiễm nước từ sân golf cũng rất lớn. Trong khi đó

*Trên mỗi hecta sân golf, người ta phải sử dụng lượng hóa chất trung bình lớn gấp 3 lần số hóa chất cho một khu canh tác nông nghiệp bình thường, tức là khoảng 1,5 tấn/hecta mỗi năm. Trung bình một sân golf 36 lỗ mỗi ngày tốn tới 10.000m<sup>3</sup> nước để tưới cỏ, tương đương lượng nước sinh hoạt cho 2000 gia đình. Ở nhiều nơi,*



người dân nông thôn Ninh Bình hiện nay chủ yếu chưa được cung cấp nước sạch, sinh hoạt hàng ngày vẫn bằng nguồn nước giếng khoan dưới lòng đất

*chính những người làm việc tại sân golf đã không dám dùng nguồn nước ngầm tại chỗ vì bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trên thế giới, ngày 29/4 hàng năm được chọn làm ngày Thế giới không có golf*

Nguồn: Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam

Hiện nay, người dân nông thôn đặc biệt ở Ninh Bình hầu như chưa được trang bị, tuyên truyền để đối phó với vấn đề ô nhiễm môi trường sống. Do vậy, ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống của chính mình còn rất hạn chế. Các dự án triển khai khu du lịch cũng đề cập tới nhưng chưa thực sự coi trọng vấn đề bảo vệ ô nhiễm môi trường sống nông thôn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng sống bền vững của người dân nơi đây mà còn ảnh hưởng đến chất lượng của ngành du lịch Ninh Bình. Trong khi đó, phát triển du lịch được xem là một mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

### *1.5 Mâu thuẫn giữa người dân địa phương với các nhà đầu tư trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp*

Hiện nay, hầu hết ở các vùng nông thôn Việt Nam và ở Ninh Bình, quá trình thu hồi đất để triển khai các dự án khu công nghiệp, khu du lịch gặp không ít những khó khăn từ phía người dân. Tình trạng khiếu kiện, tranh chấp đất đai kéo dài, người dân ngăn cản các nhà đầu tư, tố cáo về bồi thường giải phóng mặt bằng có xu hướng gia tăng (những năm gần đây, tổng số đơn thư, khiếu nại, tố cáo ở mọi cấp trên phạm vi cả nước, chủ yếu là về đền bù đất đai, giải phóng mặt bằng). Mâu thuẫn giữa chính quyền địa phương với nhân dân, giữa các nhà đầu tư với nhân dân... đã cản trở không nhỏ đến tiến độ triển khai các dự án và cũng gây tâm lý bất bình đối với người dân. Điều này có nhiều nguyên nhân:

*Một là*, mức đền bù đất nông nghiệp quá thấp so với giá trị sử dụng của nó (34.000đ/1m<sup>2</sup> loại đất 2 lúa). Thực tế, đối với người nông dân, ruộng đất là tư liệu quan trọng nhất, cái tài sản vô giá mà họ được sử dụng. Chính cái tư liệu sản xuất này, mặc dù hàng năm không đem lại giá trị kinh tế cao nhưng lại đã nuôi sống bao con người từ đời này qua đời khác, đã đem lại cuộc sống ổn định cho họ. Nhưng khi chuyển đổi mục đích, họ nhận lại giá trị của miếng đất ấy chỉ một lần duy nhất, sau đó nếu *may mắn* họ có thể được làm thuê trên chính mảnh đất ấy. Người nông dân đã chứng kiến nhà đầu tư bán lại cho mình (không phải là cho tất cả ai muốn mua và nếu như vậy họ cũng không thể mua được) với giá quá cao so với giá đền bù. Cuộc sống của con người cứ tiếp diễn, đời này đến đời khác. Tâm lý mất ruộng, mất cái quyền làm chủ mà bao đời nay họ được hưởng tạo nên sự hoang mang, lo lắng cho hiện tại và tương lai và cả sự bất bình nhất định.

*Hai là*, cán bộ địa phương có dấu hiệu lợi dụng việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng để trục lợi cá nhân, tham nhũng: đầu cơ đất, sách nhiễu dân (đa số người nông dân không hiểu rõ chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước), cán bộ địa phương cùng với các nhà

đầu tư gây sức ép với dân. Có tình trạng, khi giải quyết đến bù chưa xong, chưa có sự thống nhất thỏa đáng với dân, nhưng nhà đầu tư vẫn tiến hành giải phóng bằng, trong khi chính quyền địa phương không có sự can thiệp kịp thời, gây bức xúc đến tâm lý người dân. Lối sống của một số cán bộ có biểu hiện lãng phí, xa hoa, phô trương, hình thức, không phù hợp với nếp sống vốn giản dị, tiết kiệm của người nông dân Việt Nam. Sự cách biệt giữa cuộc sống của người dân với bộ phận cán bộ tha hóa này có nguy cơ thành sự phân tầng, phân hóa xã hội rõ nét.

*Ba là*, trước khi triển khai dự án, người dân địa phương không được biết rõ chính xác quy hoạch tổng thể của dự án, nên rất khó chủ động trong việc tìm hướng đi mới cho cuộc sống của mình. Thậm chí ngay cả chính quyền địa phương cũng không được rõ về điều này, để có kế hoạch chuyển đổi nghề cho dân.

*Bốn là*, thái độ của chính nhà đầu tư đối với dân địa phương, nhất là sau khi đã đền bù giải phóng mặt bằng. Phải thống nhất một điều rằng dù là người dân địa phương trước đây, hay bây giờ là chủ đầu tư có quyền sử dụng đất, nhưng đất đó lúc nào cũng thuộc quyền sở hữu Nhà nước. Tuy nhiên, một số nhà đầu tư đã có biểu hiện như “địa chủ hiện đại”, người dân cảm thấy bị “tước đoạt một cách hợp pháp” tư liệu sản xuất đã gắn bó hàng ngàn năm nay với họ. Khẩu hiệu “người cây có ruộng” dường như trở thành xa lạ... Những nguyên nhân trên làm cho lòng dân không yên, suy giảm niềm tin đối với chủ trương của Đảng, Nhà nước. Môi trường chính trị - xã hội nông thôn nhiều nơi không ổn định. Đây không phải là trường hợp riêng của Ninh Bình mà là của nhiều tỉnh, thành phố khác, như Hà Tây, Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình...

Trên đây là một số vấn đề xã hội rất bức xúc, nảy sinh trong quá trình triển khai chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở nông thôn Ninh Bình và cũng là những vấn đề phổ biến của nhiều vùng nông thôn Việt Nam khác hiện nay. Như vậy, thực chất sự phát triển của nông thôn hiện nay đang bộc lộ ngày càng rõ tính không bền vững. Tăng trưởng kinh tế chưa đi liền với tiến bộ xã hội, an ninh lương thực bị đe dọa, cuộc sống của con người kém an toàn... Những vấn đề đó đòi hỏi các nhà đầu tư, chính quyền địa phương và Nhà nước cần có sự phối kết hợp, có một chiến lược lâu dài để đảm bảo việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp vừa đạt mục tiêu kinh tế vừa đạt mục tiêu văn hóa xã hội, tức đảm bảo sự phát triển toàn diện, tiến bộ, bền vững của nông thôn Việt Nam.

## **2. Các giải pháp cơ bản khắc phục những vấn đề xã hội cấp bách ở nông thôn Việt Nam hiện nay**

### *2.1 Giải quyết đúng đắn, hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích của nhân dân địa phương với nhà đầu tư*

Lợi ích là động lực cho sự phát triển. Đảm bảo lợi ích của nhân dân là mục đích cao nhất cũng là lý tưởng của Đảng ta. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng cũng là thực hiện lợi ích của nhân dân. Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp là ở nước ta hiện nay cũng như ở Ninh Bình nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh, nguồn lực để vừa phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đóng góp vào sự phát triển của đất nước vừa thực hiện mục tiêu dân giàu. Có thể nói đó là chủ trương đúng đắn, đã được sự đồng thuận của xã

hội, sự ủng hộ của hầu hết nhân dân địa phương. Nhìn chung, tâm lý của người dân phấn khởi, tin tưởng và tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện. Tuy nhiên, trong triển khai dự án lại xuất hiện những mâu thuẫn, có nơi trở thành gay gắt, biểu hiện bằng tình trạng khiếu kiện kéo dài của nhân dân nhiều địa phương. Tâm lý, tư tưởng của một bộ phận nhân dân chưa yên tâm, cản trở không nhỏ tới thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Để khắc phục tình trạng này, *trước hết*, Chính quyền địa phương cùng với các tổ chức đoàn thể phải tích cực tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước về mục đích chuyển đổi đất nông nghiệp. Phân tích chỉ cho người dân thấy rõ được lợi ích của mình trong lợi ích chung của cộng đồng, lợi ích lâu dài và trước mắt trong thực hiện chủ trương đó. Chỉ khi tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất. Ở đây, tâm lý, tư tưởng của người dân chưa thông, rõ ràng việc triển khai thực hiện sẽ không thể đạt hiệu quả cao.

*Thứ hai*, phổ biến mọi chế độ, chính sách liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng, đồng thời thực hiện đúng, đầy đủ, công khai chế độ, chính sách đó để đảm bảo lợi ích của người dân, nhà đầu tư và lợi ích của xã hội. Định mức đền bù ruộng đất, giải phóng mặt bằng cần có sự điều chỉnh theo thị trường. Bởi vì sau khi chuyển đổi, nhà đầu tư kinh doanh trên thị trường, tức là hưởng lợi theo thị trường, vậy đương nhiên, việc đền bù cũng phải có sự điều tiết theo sự biến động của thị trường.

*Thứ ba*, các nhà đầu tư cần công khai, minh bạch trước nhân dân quy hoạch của dự án, cả những thay đổi, điều chỉnh dự án trong quá trình triển khai. Điều này sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động, tích cực trong việc chuyển đổi nghề nghiệp của mình, thể hiện quan điểm tôn trọng dân, tin dân... Đồng thời, qua đó tăng cường sự giám sát xã hội đối với nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án (thực tế có hiện tượng các nhà đầu tư lợi dụng chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, kinh doanh bất động sản)

*Thứ tư*, công khai hóa các nguồn thu chi của chính quyền địa phương, đặc biệt những nguồn thu chi liên quan đến quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để tránh tình trạng cán bộ địa phương lạm dụng chuyển đổi mục đích sử dụng đất để trục lợi cá nhân, tránh sự nghi ngờ, hiểu lầm không đáng có giữa nhân dân và chính quyền địa phương.

## *2.2 Đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất vừa căn cứ vào từng đối tượng cụ thể vừa bám sát cơ cấu kinh tế của địa phương*

Vấn đề bức xúc và cấp thiết nhất hiện nay là việc làm cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp. Để giải quyết việc làm thì điều quan trọng nhất là đào tạo để chuyển đổi nghề cho nông dân. Tuy nhiên, việc làm này không hề đơn giản. Đối tượng thiếu việc làm thường ở hai lứa tuổi. Thanh niên (dưới 35 tuổi) và trung niên trở lên (35 tuổi trở lên). Nhưng đối tượng chính lại là lứa tuổi trung niên và là phụ nữ, bởi vì thanh niên thường năng động, dễ nắm bắt cái mới và xu hướng chính những năm gần đây của thanh niên nông thôn là đi ra thành thị, xuất khẩu lao động, hoặc tới các khu công nghiệp, khu chế xuất kiếm việc làm. Lao động phụ nữ ở nông thôn, từ 35 tuổi trở lên thường là người chịu trách nhiệm chính trong gia đình. Đặc điểm lứa tuổi này không dễ dàng để học một nghề mới, với yêu cầu tương đối cao về trí tuệ và sự năng động để có thể vào làm việc ở các khu công nghiệp hiện nay. Do

vậy, giải pháp khả thi nhất là chính quyền địa phương kết hợp với các nhà đầu tư, sắp xếp bố trí cho họ những công việc thuộc loại hình dịch vụ giản đơn. Mặt khác, phải tuyên truyền để người dân có cách nhìn nhận mới về việc làm, xóa bỏ tư duy theo kiểu ở nông thôn thì làm ruộng mới là có việc làm.

Với đối tượng thanh niên, cần được đào tạo nghề lâu dài, phù hợp với đối tượng tuyển chọn của các nhà đầu tư để thu hút họ vào làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp địa phương, các làng nghề truyền thống, tức giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên. Khắc phục dần tình trạng “ly nông” kéo theo “ly hương” đối với thanh niên. Đây là hướng trọng điểm trong giải quyết việc làm ở Ninh Bình. Đào tạo nghề phải gắn với cơ cấu kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế xã hội ở địa phương: Công nghiệp, xây dựng - nông nghiệp - dịch vụ du lịch và gắn với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng lĩnh vực. Có như vậy, đào tạo nghề mới thực hiện được giải quyết việc làm cho người lao động. Tránh tình trạng, các khu công nghiệp, khu chế xuất mọc lên như nấm ở địa phương, mở ra bao nhiêu khả năng giải quyết việc làm cho người lao động, nhưng rốt cuộc chẳng có mấy người dân địa phương vào làm việc ở đó được, vì không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.

Giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là giải quyết việc làm tại chỗ, là mấu chốt của việc xóa đói, giảm nghèo bền vững ở nông thôn, tạo mức thu nhập ổn định, đời sống được nâng cao, đồng thời ngăn chặn nguy cơ tệ nạn xã hội phát sinh, phát triển ở nông thôn.

### *2.3 Quy hoạch và bảo vệ quỹ đất nông nghiệp*

Đối với Ninh Bình, quy hoạch tổng thể về phát triển nông nghiệp, khu công nghiệp, khu du lịch hiện nay là tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, địa hình ở đây. Quy hoạch đó vừa khai thác được thế mạnh vừa khắc phục được hạn chế của Tỉnh. Đất trồng lúa ở Ninh Bình không nhiều và cũng không thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp, vì đây là vùng chiêm trũng, “chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn” (Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh...). Ngoài đất trồng lúa, phần không nhỏ là diện tích đất đồi núi, bán sơn địa (Nho Quan, Gia Viễn, Tam Điệp), phù hợp với cây công nghiệp, hoa màu và một phần là diện tích ven biển (Kim Sơn, Phát Diệm), phù hợp với nuôi trồng thủy sản, trồng cói... Trồng lúa, hay cây công nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản những năm trước đây đều cho năng suất rất thấp và Ninh Bình là một tỉnh rất nghèo, đời sống của người dân hết sức khó khăn. Xét ở tầm vĩ mô, thì việc chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp không ảnh hưởng đến an toàn lương thực của nhân dân trong Tỉnh.

Tuy nhiên, ở tầm vĩ mô, Nhà nước lại rất cần đến một kế hoạch bảo vệ quỹ đất nông nghiệp. Bởi đặc điểm của các địa phương khác không hoàn toàn giống với Ninh Bình. Chẳng hạn, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương... (miền Bắc), các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là những địa phương rất thuận lợi cho sản xuất lương thực. Thực tế hiện nay, an ninh lương thực toàn cầu đang bị đe dọa. Bài học từ các nước phát triển cho thấy công nghiệp hóa phải đi đôi với an toàn lương thực. Việt Nam là một nước nông nghiệp, vấn đề an ninh lương thực chưa bị đe dọa, nhưng với xu hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh như hiện

nay, thị quỹ đất nông nghiệp cũng không thể đảm bảo nhu cầu của người dân trong tương lai (nhiều nghiên cứu cho thấy dân số Việt Nam sẽ tăng lên khoảng 120 triệu mới ổn định). Mặt khác, thế giới đang trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng cung - cầu lương thực. Đây chính là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh nguồn cung, xuất khẩu và xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Biện pháp đầu tiên để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là phải vệ quỹ đất nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực cũng đã được Chính phủ quan tâm, trong đó yêu cầu đặt ra trước tiên là đảm bảo diện tích trồng lúa. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam vẫn thiếu bản quy hoạch cụ thể về đất nông nghiệp trên phạm vi cả nước. Do vậy, trong triển khai thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, nhiều địa phương vẫn không chú ý đến điều đó vì lợi ích trước mắt mà nó đem đến rất lớn. Ngân sách địa phương tăng nhiều lần nhờ nguồn thuế, thu nhập người dân tăng lên nhờ tiền đền bù giải phóng mặt bằng, các nhà đầu tư khi xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất đều muốn vị

trí thuận lợi về giao thông, thị trường. Vị trí đó lại thường là phần đất trồng lúa và trong lúc được trải thảm đỏ đón tiếp thì đương nhiên họ không dễ để từ chối. Vì vậy, tốc độ mất đất trồng lúa ở nước ta diễn ra rất nhanh trong những năm qua.

Để khắc phục điều này, Chính phủ cần có quy hoạch cụ thể về quỹ đất nông nghiệp trên phạm vi cả nước.

*Theo tính toán của các nhà khoa học, 1 hecta đất nông nghiệp chỉ sử dụng khoảng 12 đến 13 lao động/năm và tạo ra giá trị khoảng 22,5 triệu/năm. Nhưng nếu cũng diện tích ấy khi chuyển sang xây dựng khu công nghiệp có thể thu hút được từ 50 đến 100 lao động, thậm chí có thể hơn và tạo ra giá trị từ 500 triệu đến hàng tỷ đồng/năm*

Trên cơ sở quy hoạch đó, các địa phương xây dựng kế hoạch để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tùy theo tiềm năng, thế mạnh của mình. Như vậy, vừa đảm bảo mục đích phát triển kinh tế - xã hội địa phương vừa góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên cả nước hiện nay và tương lai.

#### *2.4 Bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa ở nông thôn đi liền với quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp*

Một điều đã không cần phải bàn cãi nhiều nữa đó là thảm họa ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề, khu du lịch và cũng không cần phải tranh luận đến tác động tàn phá của ô nhiễm môi trường đến sinh mạng từng con người, cộng đồng và toàn xã hội. Phòng và chống ô nhiễm môi trường gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều tối cần thiết hiện nay không chỉ đối với Ninh Bình mà đối với mọi khu vực trên lãnh thổ Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, phòng và chống như thế nào để có hiệu quả?

*Trước hết*, ngay khi xây dựng và duyệt các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất hay khu du lịch, các nhà đầu tư và chính quyền địa phương đều đã phải tính đến nguy cơ ô nhiễm môi trường để chủ động xây dựng hệ thống xử lý chất thải trước khi các

khu công nghiệp, du lịch...đi vào hoạt động. Cần có sự tư vấn, thẩm định, giám sát của các nhà khoa học vào quá trình này.

*Hai là*, trong quá trình triển khai xây dựng và ngay khi đưa vào hoạt động, cần giám sát theo dõi khả năng ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp, khu du lịch .... Đây không chỉ là nhiệm vụ của các nhà đầu tư mà là nhiệm vụ chung của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Đồng thời, phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể đó trong bảo vệ môi trường.

*Ba là*, xây dựng quy chế bảo vệ môi trường cấp chính quyền cơ sở. Trong đó, đề cao vai trò giám sát, kiểm tra của cộng đồng dân cư địa phương đối với các hành vi vi phạm môi trường. Thực tế, có nhiều địa phương, các hoạt động bảo vệ môi trường được đưa vào hương ước của thôn, xóm, lấy đó làm cơ sở điều tiết hành vi của con người, việc bảo vệ môi trường sống đã đạt hiệu quả rất cao.

*Bốn là*, tích cực tuyên truyền cho người dân hiểu rõ về nguy cơ ô nhiễm môi trường. Bởi vì, chỉ khi người dân tự giác và có sự tham gia của đông đảo nhân dân địa phương thì bảo vệ môi trường mới có hiệu quả.

Cùng với bảo vệ môi trường là tăng cường giữ gìn giá trị của văn hóa làng đi liền với phát triển kinh tế nông thôn. Để đảm bảo phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam và sự phát triển kinh tế bền vững thì việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn không thể không chú ý đến giữ gìn giá trị văn hóa làng Việt Nam. Chính giá trị văn hóa ấy đã tạo nên sức sống mãnh liệt trong bản thân mỗi con người, cộng đồng người. Đối với mảnh đất Ninh Bình, điều này đã quá rõ. Những giá trị văn hóa làng xã qua các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là tiềm năng cho sự phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh những năm qua. Tuy nhiên, nếu không tiếp tục có chiến lược lâu dài để giữ gìn và tôn tạo thì những giá trị đó có thể sẽ dễ dàng bị che khuất đi bởi những yếu tố văn hóa và phản văn hóa hiện đại trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa quá nhanh như hiện nay. Điều này cũng rất cần thiết đối với các vùng nông thôn khác của Việt Nam.

Giữ gìn giá trị văn hóa làng cần bắt đầu từ chính những người dân làng. Họ là chủ thể sáng tạo, truyền tải và hưởng thụ trực tiếp những giá trị đó. Họ cũng là người hiểu sâu sắc nhất ý nghĩa bền vững của văn hóa làng.

Đổi mới cách thức tổ chức thực hiện phong trào xây dựng “làng văn hóa”, “gia đình văn hóa” để mỗi “gia đình văn hóa”, “làng văn hóa” phải thực sự có văn hóa, ở đó văn hóa truyền thống không bị tha hóa hoặc mất đi hoàn toàn.

Tận dụng tối đa các phương tiện thông tin hiện đại: truyền hình, phát thanh... và các hoạt động văn hóa, nghệ thuật để truyền bá, giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống. ...

Trên đây là một số giải pháp nhằm khắc phục những vấn đề xã hội ở nông thôn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp hiện nay. Những giải pháp này cần được thực hiện một cách đồng bộ và phải có sự tham gia của nhiều chủ thể:

các nhà đầu tư, chính quyền và nhân dân địa phương. Có như vậy, việc giải quyết những vấn đề xã hội trên mới đạt hiệu quả thiết thực.

### **Kết luận**

Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay đã đi được một chặng đường không phải là ngắn, đã có thực tiễn để kiểm nghiệm đây là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi quá trình chuyển đổi này đã đem lại nhiều ích lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các vùng nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lại xuất hiện không ít những vấn đề xã hội bức xúc, cho thấy sự phát triển kinh tế - xã hội ở đây thực sự chưa ổn định, bền vững nếu không muốn nói đó là sự phát triển còn mang tính giả tạo. Do vậy, để đạt mục tiêu phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển, cần có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp và nhân dân địa phương để giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc đó.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Ninh Bình (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX*, 140 trang.
2. Thế Dũng, *Quý đất trồng lúa ngày mai sẽ ra sao*, Báo Hà Nội Mới, số ra ngày 15/4/2008, 16/4/2008, 17/4/2008.
3. <http://WWW.ninhbinh.gov.vn>
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Khóa IX*, Nxb CTQG, Hà Nội, 201 trang.
5. Nguyễn Tiệp (2008), “Việc làm cho người lao động trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp”, *Cộng sản* (786), tháng 4, tr.72- 75.

# **SOCIAL CHANGES IN VIETNAM RURAL AREA AS THE RESULT OF AGRICULTURAL LAND USE PURPOSES TRANSITION (A SURVEY CONDUCTED IN NINH BINH)**

**Dr. Ngo Thi Phuong**

University of Social Science and Humanities –  
Vietnam national University

## **Background**

In recent years Vietnam rural areas are under great changes, because in the process of industrialization and modernization especially in agriculture sector, rural areas convert a big amount of agriculture land to build industrial zones, processing areas, tourism sites and new urban, etc. Most provinces and cities pay concern to attract investment, and even it is considered to be a key factor to promote their growth rate. The more investment projects province has, the narrower the agriculture land is.

Ninh Binh is a northern province of Northern Delta which has diversified natural characteristics. Provincial delta is to grow wet rice; mountainous areas to plant fruit and industrial trees; and territorial water to promote aquaculture. Moreover, Ninh Binh is also gifted by nature with many famous landscapes and historical monuments, which is a potential for the development of tourism industry. In the process of industrialization and modernization of the rural areas, from an exclusive agriculture province in which the main income is from agriculture production, Ninh Binh has changed extensively to a diversified economic structure province which promotes the development of industrial, construction and tourism services. In 1991, it was shown that economic structure (by GDP) for agro-forestry and fishery is 75.74%, industry - construction is 18.18%, service is 0.6%. In 2005, this structure basically changed as follows: industry - construction reached 35.7%, service and tourism reached 33.4%; agro-forestry and fishery reached 30.9%. In 2010 the economic structure is expected to have the structure: industry-construction accounts for 48%; service accounts for 35%; agro-forestry and fishery account for 17%. In parallel to economic structure conversion, the narrower area of farmland cannot meet the demand of projects regarding industry and tourism sectors.

### **Planning industrial clusters in Ninh Binh province**

- |  |  |
|--|--|
| + <i>Southern industrial cluster of Ninh Binh town</i> | + <i>Ninh Khanh industrial cluster</i> |
| + <i>Ninh Tien industrial cluster</i>                  | + <i>Thien Ton industrial cluster</i>  |
| + <i>Dong Huong industrial cluster</i>                 | + <i>Binh Minh industrial cluster</i>  |
| + <i>Kim Chinh industrial cluster</i>                  | + <i>Gian Khau industrial cluster</i>  |



- + *Gia Sinh industrial cluster*
- + *Dong Phuong industrial cluster*
- + *Khanh Cu industrial cluster*
- + *Gia Van industrial cluster*
- + *Khanh Nhac industrial cluster*
- + *Mai Son industrial cluster*

Planning industrial zones in Ninh Binh province

- + *Tam Diep industrial zone*
- + *Ninh Phuc industrial zone*

Planning tourism sites by 2010 and orientation by 2015

Ninh Binh province has 7 main tourism sites, 9 provincial routes and 10 inter-provincial and international routes. Seven main tourism sites include:

- + *Tam Coc - Bich Dong area - Trang An ecosystem - Hoa Lu ancient capital + Ninh Binh city center*
- + *Cuc Phuong - Ky Phu - Ho Dong Chuong industrial zones*
- + *Kenh Ga - Dong Van Trinh hot springs, Van Long wetland natural reserve - Dich Long Temple - Hoa Lu Cave*
- + *Tam Diep town - Tam Diep- Bien Son defense line*
- + *Yen Thang - Yen Hong lake - Ma Tien cave*
- + *Phat Diem stone chapel and Kim Son sea*

Source: [www.ninhbinh.gov.vn](http://www.ninhbinh.gov.vn)

From 2003 to 2006, the province had allocated 10,688,407.1 m<sup>2</sup> reserved only for tourism implementation to Ninh Binh Tourism Department. Because of this development, changes in agricultural land use purposes are estimated to go on in the next years, making farmland increasingly narrower.

The phenomenon of changing agricultural land use purpose leads to changes in social life in Vietnam rural areas in general and Ninh Binh in particular. Changes can be demonstrated in 2 aspects:

Firstly, changes in agricultural land use purpose lead to changes in agricultural structure and economy so that Ninh Binh could explore its potentials and promote economic growth and budget income. GDP growth rate in 1996-2000 period reached average annual rate of 8.12%, in 2000-2005 period reached average annual rate of 11.9%, and in 2006 reached 12.6%.

The provincial budget income reached VND 24.4 billions in 1991, VND 878 billions in 2006, VND 1140 billions in 2007 and VND 860 billions in June, 2008. Along with economic development, the infrastructure including traffic, accommodations, electricity, and information, etc. has been invested to meet the demand of goods transportation, traffic and life activities of the local people.

Movement of reinforcing rural traffic roads is promoted. Up to present, most of national routes, inter-provincial roads, inter-communal road sare concreted or spread asphalts. Electricity, communication network, schools, offices and housings have been repaired or rebuilt.

Work for employees is getting more diversified, including agricultural production, traditional trade village restoration, industry-construction, tourism services. Therefore, income of the local people has got diversified and higher. The average income per capita was VND 0.51 million in 1991, VND 6.42 millions in 2006, 12.5 times higher than that of 1991.

Close and local traditional culture in rural areas has gradually broken. Economic and cultural exchanges have been extensively. Physical and spiritual life of the local people has been improved in general.

Secondly, changes in agricultural land use purpose result in alarming social issues, for examples, underemployment, increased social evils, overshadowed community culture value, pollution in rural areas, contradictions between investors and local people regarding project implementation.

This paper focuses on deep analysis and insights into the alarming social issues arising in changes of agricultural land use purpose, and propose some solutions to the issues with the view to contributing the sustainable development of rural areas in Vietnam in general and Ninh Binh in particular.

## **1. Alarming social issues in Vietnam countryside in recent years**

### *1.1 Underemployment*

Although agricultural structure and economy shift verify careers, labor income, the underemployment is the popular issue among most rural areas in Vietnam. In average, each recovered ha of land is equivalent to 10-13 laborers, who may then become unemployed.

According to Hanoi Moi Magazine in issue of April 15<sup>th</sup>, 2008, the total area of rice fields in the country is 5,165,277 ha in 2005; total area of recovered agricultural land for non-agricultural land was more than 366,000 ha in 2001-2005 period, equivalent to 73,000 ha/year. In summary, since 2001-2005, about 4 million laborers might change their job due to land recovery, naturally increased population, plus 5 million laborers each year. During land recovery for economic structure shift, Vietnam in general and Ninh Binh in particular confront partial underemployment or total unemployment with respect to exclusive farmers.

Due to underemployment, the majority of youths, who are in labor age, have to leave their family to earn their living. Divorce movement leads to the fact that young employees must leave their native land and population structure is seriously unbalanced. In many hamlets, villages, the majority of residents are the elderly, women and children. Those in labor age in their native land are quite old and the majority is women who meet great difficulty in learning new knowledge. Meanwhile, because vocational training for labors is still prolonged and unsuitable for working objectives in villages, labor capacity is still rather at low level. Training for career changes in villages meets a lot of difficulties. Education for the youths is still of low level; vocational training schools and centers have not met actual

requirements of quality. Consequently, after finishing education courses, learners might meet difficulties in finding and competing for their job in industrial zones and processing zones. Enterprises often require employees of young ages (under 35 years old), so it is difficult for older employees to find job, except that they are relatives of private enterprise owner. On the other hand, old lifestyle of rural areas prevents from Vietnamese farmers from living passively and adapting to changes in imminent period.

Underemployment in rural areas occurs under two forms. Firstly, serious underemployment (loss of job) occurs due to the recovery of overall area of cultivation land. Spending all such compensations and they will have to work for others in their own land.

*Secondly*, daily employment is not enough because cultivated land area is too small. The work done for the whole year in the past is completed in 2 months now. Remaining time is the duration that the employees are out of work.

*After farmers in rural areas receive compensation, very few use it to invest in business production, but to buy conveniences for living, building house, buying motorbike, television, etc.,*

Underemployment is the main cause of low and unsteady income. In recent years of agricultural land conversion, residents' life is improved, average income per capita increased. But such increase is illusionary and unsteady thanks to the compensations for land clearance. Provincial budget increases dramatically in 2006, 2007, 2008 in comparison with that of 1991. Compensation for land clearance is only received once but young population is increasing. Thus, the risk of poverty has the potential to increase not because of the next generation but this generation. That is the problem of a province, a locality.

In the country and the world, decreased agriculture land is the main reason of the risk of food safety and unsustainable social development. In recent years, the world has been hotter by unbalance between supply - demand of food. Climate changes create bad conditions for agriculture production, leading to continuous crop failure, meanwhile some food products are used to replace energy sources (develop bioenergetics). Eating habits change and vegetable oil consumption increases highly. Agricultural land reduces in almost countries due to industrialization, modernization, which increase food price globally. Some countries begin to preserve agriculture to ensure food safety. In fact, agriculture land can be converted to non-agriculture one (to build urban area, industrial zones, processing areas...), but the land which is urbanized and built industrial zone... is never converted for agricultural purpose. This is also a warning to the process of industrialization, modernization and urbanization of agriculture and rural areas of Vietnam. With such growth rate of population (it is expected that the world's population will reach 9.2 billion in 2050, and in Vietnam the population increases from 79 million to 84 million from 2000 to 2007), population is also a big pressure to the world's food safety

### *1.2 Increasing social evils*

In the past, social life in the rural areas was peaceful and safe which is place that urban people often went on holiday. The farmer is unfamiliar with evils such as drugs, gambling, HIV/AIDS, and prostitute... Now, these evils are common in the countryside and in some places 100% young people are drug addicts or gamblers. Image that white hair old parents use the last strength to care HIV children and nieces is not unusual in countryside. From the child of communal president to those of grassroots, from children in rich houses to one in poor house, children are dead of addicting drug or contracting HIV. A grey color covers life with increasingly eventful and modern in the countryside.

Statistics on crimes, social evils in Gia Vien District has shown that the number of crimes and social evils increased rapidly, concentrating in communes with industrial zone, such as Gia Tam, Gia Hung, Gia Thanh commune (with Gian Khau industrial zone) and tourism sites, such as Gia Sinh commune (with Bai Dinh tourism area). It is also actual situation for the Ninh Binh Province. The order of areas with many social evils is together the order of areas with industrial zone and tourism area:

1. Ninh Binh City
2. Tam Diep Town
3. Hoa Lu District
4. Nho Quan District
5. Gia Vien District
6. Yên Khanh District
7. Yen Mo District

The social evils in the countryside have increased greatly for the following reasons.

*Firstly*, due to the underemployment, the youths have to find the jobs outside their district or province. In recent years, the rural youth have flocked into industrial zones, export processing zones or urban areas to find jobs. Living far from their home and in the environment with full of temptation and social evils as well as the curiosity of youth, many

*Social evils situation in Gia Vien district in recent years:*

*- The year of 2006*

*+ Gambling: 5 cases, 17 objects*

*+ Drugs: 32 cases, 38 objects*

*- The year of 2007*

*+ Gambling: 6 cases, 27 objects*

*+ Drugs: 28 cases, 30 objects*

*- 6 months in 2008*

*+ Gambling: 5 cases, 24 objects*

*+ Drugs: 19 cases, 21 objects*

are deprived of their dream and initial ideal and trapped into the snares of social evils. Some young people become the seeds of diseases and drug addiction, etc., of the countryside after 5 years living and working far from their home.

*Secondly*, many people become the billionaire after a night thanks to the compensation (in the countryside, many farmers do not dare to pursue this dream). Therefore, many people have rushed into the flesh-pot to revenge the previous poverty of the countryside and accidentally fall into a trap but they are not aware of it. The rich are trapped into the snares of social evils due to spending money and the poor are trapped in to the snares of social evils due to earning money. This vicious circle follows close behind the farmers who have the low degree of understanding.

*Thirdly*, the devil makes work for idle hands. The farming work is not the hard work of the farmers. Due to having much free time, those farmers rush into gambling and drinking, gradually, it becomes bad habits that are very difficult to give up.

*Fourthly*, the “space” of the village is extended due to the development of market economy, the strong exchanges of culture and economy between countryside and city. It is such exchanges that many social evils have entered the countryside without the youth who work far from home as well as farmers who have much money from compensation or not etc.,

*Fifthly*, In the industrial zones, and tourism sites, there usually have many pleasure houses, hotels, boarding houses, karaoke bar, hairdresser’s etc., They are the places of social evils.

*Presently, there are 385 hotels, pleasure houses, boarding houses etc., having the risk of developing the prostitutes. In early six months of the year 2008, appropriate authorities treated 12 cases, took into the management and education documents 40 prostitutions.*

Source: [WWW.ninhbinh.gov.vn](http://WWW.ninhbinh.gov.vn) 1, July 2008

### *1.3 The cultural values of villages are being felt into oblivion*

The village culture. This concept seems very abstract but concrete. It is abstract because up to now, nobody can give the exactly definition of it. It is also concrete because it always exists in the soul of each person who was born and brought up in the countryside. Living without it, the people shall feel that the life is boring. It is the power that makes the people who living far from their homeland thirst for returning countryside (although they live in distant places and have the life with enough materials). It makes people feel happy and proud of his/her countryside and they shall be afraid of losing this village.

Scientists have carried out the research works about the village’s culture and explained it in many different aspects. We can identify the village’s culture in accordance with two aspects: material culture and non-material culture. The symbols of material culture

of the village are: banyan tree, village's communal house, village's market, village's entrance gate, village's road, village's dyke, village's architecture, ferry, river wharf, etc., In which, the "banyan tree and river wharf" are the most characterized symbols. The banyan tree is the symbol of enduring and strong vitality, intelligence and spirit of villagers. Under the shade of the banyan tree, the children frolic, the youth make a date, the farmers have the rest after a hard working day. It seems that all the tiredness of farming works disappear after the farmers wash their hands in the river wharf and take a rest under the banyan tree. The banyan tree is also the supernatural symbol, considered as a gathering place of Deities, "the Thi tree has the ghosts and the banyan tree has the Deities". The village's market is not only the place of exchanging and trading, but also the place for the farmers give their regards to others, talk about the buffalo, plough, garden, house and their children, etc., it is the place for couples, the place for people in different villages meet and talk to each other in stead of telephone or internet. Up to now, the means of communication become more convenient, but the people, who live far from their homeland, still want to return the village's market to wallow in the noises but full of neighboring sentiment, etc.

The symbols of non-material culture are the sweet lullabies of grandmother and mother, the neighboring sentiment, the lifestyle "the good leaves protect the worn-out leaves", the concerns to each others of villagers, the sweet smell of burning rice straw after coming home from the field, the joys on the fields that make farmers forget the scorching sunlight of summer and the biting cold of winter, etc. All of them form the "community nature" and "neighboring sentiment". Those material and non-material symbols create the nature of Vietnamese village, usually called "soul of home village". We can not understand the whole soul as well as diverge from it.

All the symbols and nature of village culture are falling into oblivion (not being completely disappeared). It is not meant that the village does not have banyan tree, river wharf or communal house. The reason is that the "*neighboring sentiment*" is not the truthful sentiment of villagers, it is affected by money, position, richness, etc. Pragmatism, selfishness have started to invade the villagers. They may massacre to each other, brothers and relatives may abandon each other only because of some centimeters of land. The hibiscus fences or "Mung toi" fences are replaced by brick or concrete walls. Such walls separate the territory of households at the same time, they are deprived of the feelings of people. These are the common situations in Vietnamese countryside, especially in the areas under the construction of the projects of industrial zones and urbanized zones, etc. The more rapid urbanization is, the more rapid loss of village culture is. Such problem becomes the rule in agricultural and rural industrialization and modernization.

Nowadays, the changes of the land use purpose and economic structure appears in Ninh Binh' s villages but the situation in this province is not as serious. It is not that the awareness of protecting the culture of the village of local people as well as the strategies of the investors in protecting the village's culture. The reason is that the process of implementing the industrial zones and tourism areas are in the initial stages. The disorder in

the life if Ninh Binh' countryside is clear in economy and still dimmed in culture. Unless proper strategies in the economic and cultural development are planned, the situation in the provincial countryside will become serious.

#### *1.4 The pollution of s countryside surrounding.*

The issue of changing the purpose of using agricultural land for implementing the projects of industrial zones, export processing zones, urban zones, tourism areas and golf club also leads to the serious pollution of surroundings in the countryside. The types of pollution are natural: water pollution, soil pollution, air pollution and social and cultural population.

There are many reasons of natural environment pollution such as: exhaust fumes, waste, sewage, etc. from the commercial and industrial zones; using chemical and organic fertilizer in order to increase the productivity, pesticides; the goods with poor quality are usually consumed in countryside, etc. the consequence of natural environment pollution is that the community health is threatening. The longevity of local people decreases, children are undernourished, more and more fatal diseases appear, etc.

The pollution of cultural and social environment is expressed in the increase in social evils, dressing cultural of the youth has the miscellaneous tendency, the behavior and communication in the family and neighbors are uncivilized. Many harmful culture products such as illegal books, papers, and disks with depraved contents are taken into countryside with many different ways. The main reason for such introduction of depraved culture products are the low educational and intellectual standards, the diversified means of communication and the convenient goods exchanges. As a ruler, people have to study, even study hard to acquire the healthy culture and it is not necessary to learn the unhealthy culture, it even follow people closely. Therefore, the unhealthy culture penetrates the life of famers faster and destroys the social and cultural environment of countryside.

The pollution of Vietnamese countryside environment, nowadays, is not the risk but the urgent truth that causes many problems for managers and scientists to solve. For this reason, it is said that our countryside is like a "beautiful waste bin". Ninh Binh has many projects of industrial zones, trade villages, and tourism sites. They have been built and initially put into operation. As for tourism sites, the quantity of the annual domestic and foreign tourists get 1.3 million turnover, 25% increase in comparison with that of 2005<sup>(3)</sup>. In the coming years, some tourism areas will be put into operation, the number of tourists will keep rising. In accordance with the orientation by 2010 of Ninh Binh Tourism Service, the number of tourists will be 3-4 million turnover. As a result, the wastes discharged daily by tourists are considerable.

Together with the waste thrown by tourists, there have the source of waste from the

<i>Each ha of golf club uses chemicals three times bigger than those used for agricultural cultivation, equal to 1.5 tons/hectare/year. A golf club with 36 holes must</i>
--

project of golf club. The risk of pollution from the golf club is considerable. Besides, the people in the countryside in Ninh Binh have not been supplied with clean water, they still use untreated water from wells

*use 10.000m<sup>3</sup> of water/day to water grasses, equal to the amount of water used for the daily life of 2000 households. In many areas, the workers of golf club can not use underground water due to the serious pollution. Therefore April 29 is chosen the World day without golf.*

Source: Vietnamese technical and scientific Associations Union.

Presently, people in countryside, especially in Ninh Binh are hardly equipped and propagandized to face with the problem of surrounding environment pollution. Hence, the awareness of people in environmental protection and life protection is still limited. The projects of tourism areas do not account for the issue of surroundings pollution in the countryside. This not only affects the sustainable life quality of people in the countryside, it also affects the quality of Ninh Binh Tourism. Meanwhile, tourism plays an important role in social and economic development of the province.

### *1.5 The contradictions between local people and investors in the process of changing agricultural land use purpose..*

At present, in Viet Nam's countryside in general and countryside in Ninh Binh in particular, the process of recovering land to implement the projects of industrial zones and tourism sites has to face many difficulties from local people. The situations of legal proceedings, land disputes and prevention the implementation of investors, the denunciations about the compensation increase (in recent years, the major complaints are about land compensation and ground clearance). The contradictions between local authorities and people, between investors and local people, etc., have obstructed to the progress of implementing the projects and caused the dissatisfaction among local people. The main reasons are:

Firstly, the compensation level for agricultural land is too lower in comparison with its value (VND 34,000/1m<sup>2</sup> for second grade agricultural land). In fact, with farmers, lands are the most important and priceless assets for production activities. Although the using of these means of production does not bring high economic value, up to now they have grown up many human generations and brought a sustainable life to human beings. When changing production targets, they receive their lands for the only time, then if they are lucky they can be employed in their lands. However, then the employer resells these lands for farmers with the higher price in comparison with the price of comparison (not for all farmers who want to buy lands and if yes, they can not afford for this). The life still pasts like the strict rule of nature from the previous generation to the next generation. Feeling of losing lands or the land ownership causes puzzlement and worry for both presence and future, and dissatisfaction both of the society in general and of local residents in particular.



Secondly, some local officials seem to take unfair advantages of land withdrawal, compensation for land clearance to make individual profits and corrupt such as speculating land and extorting farmers (because most of farmers do not still understand clearly guidelines, policies and law of the State), the local officials and the employer put heavy pressure on these farmers. Even when the compensation has not been finished yet because the mutual negotiation has not been reached yet; however the employer still continues carrying out the land clearance while the local authority has no urgent solution, resulting to the dissatisfaction of the local residents. Besides that, some local officials seem to live luxuriously and wastefully and not to comply with simple and economical traditions of Vietnamese farmers. The difference between the life of farmers and life of these corrupted local officials causes the clear social gap.

Thirdly, before the project implementation, the local people do not know exactly the project's general planning, so it is difficult to find the new trend for their life actively, even neither do the local authority to have schedule for job changing in time.

The fourth is the attitude of the employer with the local residents, especially after the land clearance. It is a fact that previously the local residents used to have the land use right or now it belongs to the employer, but the real owner is the State. However, some employers act as they were the real landowner or "modern landowners", so the local people feel that they are dispossessed of the use right of means of production (or lands) legally which have had a strong attachment to them for thousands of year. The slogan "Farmers have their rice-fields" seems to be strange to them now. These four factors now occurs in a peaceful village like Ninh Binh province that makes the life of the local residents change, leading to the worry and puzzlement as well as the decline of people's belief in guidelines of the Government and the Communist Party. This is not a particular case occurring in Ninh Binh province, it also happens in other provinces and cities such as Ha Tay, Ha Noi, Hai Phong, Thai Binh, etc.

These pending social issues are emerging in the period of changing the purpose of using agricultural lands and they are occurring not only in rural areas of Ninh Binh province but also in many other rural areas in Vietnam. As a result, we can see that actually the present development in many rural areas is getting to expose its unsustainability. Although the economic growth increases quite rapidly, it does not bring progresses to the society, leading to an imbalance of the food safety and an unstable life for the local residents, etc. As a result, it is required that employers, the local authorities at all levels and the State coordinate and combine together to find a long-term strategy in order to ensure the achievement of predetermined targets in both economic field and social and cultural field or ensure the comprehensive development, social progress and sustainability in Vietnamese rural areas.

## **2. Basic solutions for urgent social issues in Vietnamese rural areas at presence**

### *2.1 Balancing mutual benefits of local residents and employer.*

Benefit is considered as a motivation for the development and the ensuring the benefits of the local residents is one of the best objectives of our State and Communist Party. All guidelines and policies of the Party are issued and implemented in order to bring benefits to the people in our country. The changing the purpose of using the agricultural lands in the country in general and in Ninh Binh province in particular aims to exploit potentials, strength and resources to ensure the social and economic development of the locals and make contribution to the development of the country as well as implement the target “enrich the people’s life”. It can be said that this is sound guideline or orientation of the State carried out under the consensus of the society and the agreement of most of the local residents. In general, the local residents seem to be happy and believe in the soundness and efficiency of this guideline, so they create the most favorable conditions for the employer to implement the project. However, many contradictions emerge in the project implementation and they are getting more and more severe, that is indicated by complaints of the local residents from day to day. This unstable and puzzle mentality of a part of the local people is not weak barrier for the project implementation.

To solve this problem, firstly the local residents, organizations and unions should propagandize positively the guideline of the State and Party on the changing the purpose of using the agricultural lands. Simultaneously, it is necessary to make the local residents understand the relationship of the individual benefits in the community benefits, short-term benefits and long-term benefits in the guideline implementation. Actions are carried out and united only when ideas of local people are united. Currently, the local residents do not understand deeply the purpose of this guideline, so the project implementation shall not reach the high efficiency.

*Secondly*, it is very important to popularize all regulations and policies related to the compensation and the land clearance; implement exactly and make a public notification these regulations and policies to ensure the common benefits of all related parties like local people, employers and the society. Because the employer will implement business activities in the market after the conversion of the use purpose of agricultural lands. It means that the employer will make profits in compliance with the market fluctuation, leading to the suitable adjustment of the compensation price.

*Thirdly*, in the project implementation, employers should implement publicly and explicitly the project planning, all changes and adjustments in the project. Because this will help the local residents be more active and positive in the process of their job change representing the opinion of respecting people and trusting in people of our State and Party. Simultaneously, It is important to have more supervision of the society as well as of the local people in the project implementation (because it is a fact that many employers take full advantages of the guideline implementation to make individual profits and do business of real estate)

Fourthly, it is necessary to publicize sources of expense and recipient of the local authority, especially the sources related to the conversion of use purpose of the agricultural

lands to avoid the making individual profits of the local officials as well as doubts and misunderstanding between the local residents and the local authority.

### *2.2 Vocational training for land withdrawn employees depending on particular object and local economic structure*

The most urgent problem is to create jobs for employees who are taken back the agricultural lands. To solve this problem, it is important to train farmers to satisfy skills of new jobs. However, this work usually meets challenges because people who lack of jobs belong to 2 age groups: adults (under 35 years old) and middle – aged people (more than 35 years old). However, most of them are middle – aged people and women because adults are usually more active and are easy to take opportunities; therefore in recent years, adults in rural areas have found jobs by moving to urban areas or through labor export programs or have worked in industrial zones, manufacturing and processing zones. In rural areas, women of more than 35 years old usually take responsibilities of the owner of family. However, it is difficult for them to study new skills for new job in industrial zones with relatively high requirements of intelligence and activeness. Therefore, the most flexible solution is that the local authority and the employer should cooperate together to arrange simple jobs which do not require high skills. On the other hand, it is necessary to popularize to help farmer have new understanding about occupation in order to omit the old and backward thought about it.

The long-term training plays an important role in creating stable job for adults in order to help them meet requirements of employers and they can work in industrial zones, local industrial groups and traditional trade village. If we can do that, it means that we can create in-site jobs for adults. This is the key orientation which authority of Ninh Binh province applies to solve difficulties in creating jobs for employees. The vocational training should go along with the local economic structure and the social and economic development: Industry – construction – agriculture – service and tourism and also complies with the professional skills and missions of each fields. When satisfying these requirements, the vocational training will solve jobs for employees. Besides that, it is also critical to avoid rapid establishment of many local industrial zones and producing and processing zones that seem to bring many job opportunities for local people, but finally very few can work in these zones because of their failure to satisfy production requirements.

Creating jobs for employees, especially in-site jobs is the key solution for the sustainable poverty eradication in the rural areas, stable income, material life improvement, social evils reduction emerging and developing in the area.

### *2.3 Agricultural land fund planning and conservation*

For Ninh Binh province, the overall planning for the development of apiculture, industrial zones and tourism sites is relatively reasonable and appropriate for the natural and geographical characteristics. Such planning can not only take advantage of the strong points but also overcome restrictions of the province. Land for growing rice in Ninh Binh is limited and unfavorable for the agricultural production due to its hollow position “ Flood

even without rain and Dry without sunlight” (Gia Vien, Hoa Lu, Yen Khanh...). Besides land for growing rice, a considerable land area is mountainous & hill land, half-mountain and half-plain land (Nho Quan, Gia Vien, Tam Diep), most favorably for planting industrial trees, farm produces and the rest is coastal land (Kim son, Phat Diem), favorably for promoting aquaculture, planting sedge...In recent years, planting rice, industrial trees and promoting aquaculture are of low capacity and Ninh Binh is a very poor province; local people’s life meets many difficulties. On a macro-scope, the transfer of agricultural use purpose shall not prejudice the food safety of the Provincial people.

However, on a large scale, the State urgently needs a detailed plan to protect the agricultural land budget, because the geographical characteristics of other provinces area different from those of Ninh Binh. For example, Thai Binh, Hung Yen, Hai Duong, etc. (in the North) and Mekong Delta provinces are location of favorable conditions for producing foods. In reality, global food safety is being threatened. Lessons from developing countries remind us that industrialization must conform with the food safety . Vietnam is an agricultural country and food safety is being threatened. However, under the current trend of rapid industrialization and urbanization, the agricultural land budget could not meet the demand of the people in the future (many researches show that only does Vietnamese population increase up to 120 millions that the population then shall be stable). Moreover, the world is in the serious unbalanced state of food supply – demand. This is the opportunity for Vietnam to promote agricultural production, increase the supply, export and construction of Vietnamese rice trademark in the world market. The first method to boost agricultural products is to protect agricultural land budget in the industrialization and modernization of the country.

Protecting agricultural land budget to maintain the food safety also has drawn the concern of the Government, in which the top priority is to preserve the area of rice planting. However, up to now Vietnam Government has not developed a detailed planning of the agricultural land nationwide. Thus, the implementation of the transfer of agricultural land use purpose, many localities have not paid concern to such a matter which brings about great imminent profit. The local budget can increase many times thanks to the increased amount of tax collection; income of the local people can increase thanks to the compensations for land clearance from investors upon the construction of industrial zones;

export processing zones are in bad need for location of favorable conditions of transport and market. Such locations are often the rice land and are very attractive to the investors during the premium time of investment created by local authority. Therefore, the loss rate of rice land has occurred at a high

*According to scientists, for every 1 ha of agricultural land only 12-13 laborers/year are used and creates a value of 22,5 millions/year. However, the same area, upon the conversion to land for construction of industrial zones, can attract 50-100 laborers and even more and creates a value of 500 billions*

frequency in recent years in our country. VND/year.

To fix this problem, the Government should have a detailed schedule of planning the agricultural budget nationwide. On planning base, localities will develop detailed planning schedule for industrialization and modernization based on their respective potentials and advantages. Therefore, not only the socioeconomic development goal of the localities but also the national food safety can be guaranteed to develop in a sustainable way

*2.4 Preservation of natural and cultural environment in rural areas, shall be integrated with progress of transferring the agricultural land use purpose*

It is obvious that environmental pollution disaster caused from industrial zones, export processing zones, trade villages and tourism areas has brought adverse effects to human life, community and the whole society. Preventing environmental pollution associated with industrialization and modernization is an essential action. This remains true not only for Ninh Binh but also for all parts in Vietnam and all over the world. However, what method can bring effect?

*Firstly*, at the time of construction and submission of construction project of industrial zones, export processing zones, or tourism sites, employers and local authorities shall take the risk of environmental pollution into account so that waste treatment system can be built before these industrial zones, export processing zones, etc. are put into operation. The consultancy, appraisal and supervision of scientists are very useful.

*Secondly*, during the construction and operation, the environmental pollution risk from these industrial zones, export processing zones, etc. shall be monitored. This is not only employers' responsibility but also the common task of government at all levels and local people. At the same time, there should be a close coordination among those entities in the environmental preservation.

*Thirdly*, an environmental preservation regulation should be built at provincial level. Where, the role of local people community in monitoring and supervising any activity that violates the environmental preservation. In fact, in many villages, environmental preservation activities is stated in village convention and taken as a basis for regulating the people's behavior. As a result, living environment conservation has gained many achievements.

*Fourthly*, risk of environmental pollution should be propagated to villagers so that they can understand clearly. Only when there are their self-awareness and their participation, the environmental can bring effects.

In the progress of rural economic development, together with the environmental preservation, village cultural values shall be preserved as well. To ensure a comprehensive development in Vietnam rural areas and a sustainable economic development, the transfer of agricultural land use purpose, rural economic development shall integrated with the

preservation of Vietnam village cultural values. These values have created a tenacious vitality within each individual, each community, which is represented clearly in Ninh Binh land. Village cultural values are hidden in historical monuments, landscapes is a potential in developing tourism, a key economic sector of this Province over the past few years. However, if a long-term strategy is not worked out to preserve and embellish these values, they are easily covered by modern cultural and counter-cultural factors in such a rapid urbanization and industrialization progress today. This is very important for other urban areas in Vietnam.

The villagers themselves should be the first to preserve village cultural values. They are agents creating, transferring and enjoying directly these values. They also understand most deeply the sustainable meaning of village culture.

The organization and implementation the movement of “cultural villages”, “cultural families”, so that these cultural villages” and “cultural families” are really civilized ones, where traditional culture does not corrupt or vanish.

Modern media such as television or radio broadcast and cultural activities should be utilized to propagate and preserve traditional cultural values, etc.

This report has mentioned some solutions to overcome social issues in Vietnam rural areas during the period of transferring the agricultural land use purpose. These solutions should be implemented comprehensively with the participation of many entities: employers, authorities and local peoples to ensure a practical effect.

## Conclusion

The policy of transferring the agricultural land use purpose in Vietnam has undergone a rather long way. Realities have proved that it is a quite sound policy in the context of building a socialist-oriented market economy. This transfer progress has brought many benefits for socio-economic development in Vietnam rural areas. However, many urgent social matters have risen during the implementation, which represents an unstable socio-economic development, or a fake development in other words. Therefore, in order to reach the goal of comprehensive development in Vietnam rural areas according to the criterion of modern and developed model, it is necessary to get the concern of the Party, State government at all levels and local peoples to solve these urgent social matters.

## REFERENCE

Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Ninh Bình (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX*, 140 trang.

Vietnamese Communist Party, Ninh Binh Provincial Committee, *Documents from the XIX Congress of Ninh Binh province's party committee*, 140 pp

Thế Dũng, *Quy đất trồng lúa ngày mai sẽ ra sao*, Báo Hà Nội Mới, số ra ngày 15/4/2008, 16/4/2008, 17/4/2008.

The Dung, *What is the future of cultivating land*, New Hanoi Newspaper, issue on 15/4/2008, 16/4/2008, 17/4/2008

<http://WWW.ninhbinh.gov.vn>

Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Khóa IX*, Nxb CTQG, Hà Nội, 201 trang.

Vietnamese Communist Party (2002), *Documents from the XIX conference of Central committee IX*, National politics Publishing house, Hanoi, 201 pp.

Nguyễn Tiệp (2008), “Việc làm cho người lao động trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp”, *Cộng sản* (786), tháng 4, tr.72- 75.

Nguyen Tiep (2008), “Jobs for laborers during the transfer of agricultural land use purpose”, *Communist* (786), April, pp.72- 75.